

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 27

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bún thịt bò, củ cải, khoai tây, hạt cà ri, caron - NT Nhóm 2: Cháo thịt bò khoai tây - Uống sữa
Trưa: Cơm trắng - Cá ba sa rim mắm, hành baro - Canh khoai mỡ nấu thịt heo
Xế: Bánh Flan
Xế chiều: Cháo lươn khoai môn, nấm đùi gà, rau mồng tơi

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	300	6,280	18,840
2	0494	Đường cát	100	3,780	3,780
3	N0966	Muối Iot	100	740	740
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	200	4,180	8,360
5	0004	Gạo tẻ máy	1,600	2,560	40,960
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	5,360	2,680
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,820	4,410
8	N0956	Bún gạo 3 Cây dừa	200	4,950	9,900
9	0286	Thịt bò loại II	400	36,750	147,000
10	0103	Củ cải trắng	100	2,730	2,730
11	0037	Khoai tây	200	3,890	7,780
12	N0861	Dầu màu điều	30	42,900	12,870
13	0172	Rau xà lách	100	5,040	5,040
14	0158	Rau húng	50	11,870	5,935
15	0436	Cá basa (phi lê)	1,700	13,550	230,350
16	0186	Tỏi tây (cà lá)	100	8,610	8,610
17	0751	Khoai mỡ	800	4,620	36,960
18	N0770	Thịt nạc dăm	300	18,380	55,140
19	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	50	6,410	3,205
20	0033	Khoai môn	200	6,410	12,820
21	0411	Lươn	500	25,410	127,050
22	0635	Nấm đùi gà	100	9,560	9,560
23	0163	Rau mồng tơi	100	4,520	4,520
24	N0925	Bánh Flan caramel cao cấp	864	14,750	127,440
25	0457	Sữa bột toàn phần	576	19,500	112,320
Tổng chợ					999,000

Tổng tiền thực phẩm	999,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	999,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiền chuẩn lũy kế từ đầu tháng	6,771,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	6,771,000

Phó Hiệu Trưởng

Cấp Dưỡng

Kế Toán

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan